TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 476/2017/DS-ST
Ngày: 25-9-2017
V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Dư Tuyết Lạnh

Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Minh Đang

2. Bà Nguyễn Thị Kim Hồng

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Diệu Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Ngon – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 298/2016/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2016 về việc "tranh chấp Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 160/2017/QĐXXST-DS ngày 18/8/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 148/2017/QĐST-DS ngày 06/9/2017, giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần A

Trụ sở: Đường N, Phường N, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Q, sinh năm 1965, thường trú: Đường C, Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Giấy ủy quyền số 786/UQ-ACBA.16 ngày 21/12/2016). (Có mặt).

Bị đơn: Ông S, sinh năm 1980 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Đường P, Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/8/2016 của Ngân hàng thương mại cổ phần A (gọi tắt là Ngân hàng) và trong quá trình giải quyết vụ án ông Q là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng đã cấp tín dụng cho ông S chi tiết như sau: Hợp đồng tín dụng trả góp số KHH.CN.UIL.01300813 ngày 10/9/2013 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung số KHH.CN.UIL.01300813/SĐBS-01 ngày 23/10/2015 để vay số tiền 55.000.000đồng; thời hạn vay 73 tháng; phương thức vay trung, dài hạn; mục đích tiêu dùng lãi trong hạn 22%/năm; lãi quá hạn là 150% lãi suất trong hạn (hợp đồng số 1). Ngân hàng cũng đã căn cứ vào điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ của ACB, giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng số 4113253017120 ngày 10/9/2013 hạn mức thẻ 12.000.000đồng hiệu lực thẻ 36 tháng (kể từ ngày 12/9/2013) (hợp đồng số 2). Trong quá trình vay ông S đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, do đó ngân hàng đã thông báo thu hồi nợ trước hạn và đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn.

Nay Ngân hàng yêu cầu ông S thanh toán toàn bộ số tiền vay của 02 hợp đồng trên cụ thể số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm là:

Vốn của hợp đồng số 1 là: 26.562.885đồng; Lãi trong hạn: 2.718.164đồng; lãi phạt: 1.000.000đồng; lãi quá hạn: 10.372.804đồng. Tổng cộng 40.653.853đồng.

Vốn của hợp đồng số 2 là: 10.494.454; lãi quá hạn 8.122.271đồng. Tổng cộng 18.313.725đồng.

Tổng số tiền của 02 hợp đồng ông S phải thanh toán cho Ngân hàng là 59.270.578đồng. Yêu cầu ông S thanh toán 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra ông S còn phải chịu lãi theo lãi suất quá hạn tiếp theo của ngày xét xử theo như các hợp đồng đã ký kết.

Ngân hàng cũng chỉ yêu cầu cá nhân ông S thanh toán nợ vì ông S vay với mục đích tiêu dùng cá nhân không liên quan đến cá nhân nào khác.

Bị đơn ông S đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông S vẫn không đến Tòa án để trình bày quan điểm, vì vậy Tòa án tiến hành thủ tục để xét xử vắng mặt ông S theo quy định của pháp luật.

Vụ án được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần A là ông Q cho rằng vẫn giữ nguyên yêu cầu ông S trả số tiền còn thiếu của 02 hợp đồng tổng số tiền là 59.270.578đồng, ông S phải trả 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật và phải chịu S còn phải chịu tiền lãi theo lãi suất tiếp theo của ngày xét xử theo như các hợp đồng đã ký kết.

Bị đơn ông S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên – Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán theo đúng quy định tại Điều 48, tuy nhiên chưa tuân thủ đúng về thời gian chuẩn bị xét xử theo

quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tuân thủ pháp luật tố tụng về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng, bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Giữa ngân hàng TMCP A và ông S đã thỏa thuận cùng nhau ký kết hợp đồng tín dụng và Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ của ACB, do ông S vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu thanh toán số tiền 59.270.578đồng và chịu tiền lãi theo lãi suất tiếp theo của ngày xét xử theo như các hợp đồng đã ký kết là phù hợp nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến phát biểu quan điểm về vụ án của đại diện Viện kiểm sát Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ Hợp đồng tín dụng trả góp số KHH.CN.UIL.01300813 ngày 10/9/2013 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung số KHH.CN.UIL.01300813/SĐBS-01 ngày 23/10/2015 và Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ của ACB, giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng số 4113253017120 ngày 10/9/2013 được ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần A và ông S để vay số tiền 55.000.000đồng và cấp thẻ số tiền hạn mức 12.000.000đồng. Ngân hàng khởi kiện nên có đủ cơ sở xác định đây là vụ án dân sự về "tranh chấp Hợp đồng tín dụng".

Hiện nay, ông S không còn cư trú tại Quận 8 nhưng Ngân hàng đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là "đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở", trường hợp ông S thay đổi nơi cư trú mà không công bố công khai theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về thủ tục vắng mặt:

Bị đơn ông S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Xét việc ông S đã ký Hợp đồng tín dụng trả góp số KHH.CN.UIL.01300813 ngày 10/9/2013 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung số KHH.CN.UIL.01300813/SĐBS-01 ngày 23/10/2015 và Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ của ACB, giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng số 4113253017120 ngày 10/9/2013 được ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần A và ông S để vay số tiền 55.000.000đồng và cấp thẻ tín dụng số tiền hạn mức 12.000.000đồng. Toàn bộ hồ sơ vay vốn cũng như hợp đồng tín dụng ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn đều tuân theo đúng quy định của pháp luật. Hợp đồng tín dụng do người có thẩm quyền của hai bên ký kết, về hình thức, nội dung tuân theo các quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 và Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010. Ông S là người vay tiền và đã nhận đủ số tiền vay, ông cũng đã trả được cho Ngân hàng số tiền của hợp đồng số 1 là 28.437.115đồng; hợp đồng thứ 2 trả được số tiền 1.505.546đồng. Tuy nhiên từ ngày 26/02/2016 ông S lại không tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo thỏa thuận là vi phạm hợp đồng. Xét mục đích vay của ông S là để tiêu dùng cá nhân bằng hình thức tín chấp, không thế chấp tài sản bảo đảm, khi ký kết hợp đồng chỉ cá nhân ông S tham gia giao dịch, mặt khác Ngân hàng xác định chỉ yêu cầu cá nhân ông S thanh toán nợ nên Hội đồng xét xử không xét.

Về lãi suất, xét hợp đồng tín dụng số KHH.CN.UIL.01300813 ngày 10/9/2013 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung số KHH.CN.UIL.01300813/SĐBS-01 ngày 23/10/2015 và Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ của ACB, giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng số 4113253017120 ngày 10/9/2013 có thỏa thuận về lãi suất. Theo khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng thì bên vay phải có nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi tiền vay theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Mặc dù lãi suất tại thời điểm vay các bên thỏa thuận là 22%/năm là vượt quá lãi suất giới hạn, theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay.Tuy nhiên, do thỏa thuận giữa ông S và Ngân hàng là thỏa thuận về hợp đồng tín dụng nên phải chịu sự điều chỉnh của Luật tổ chức tín dụng theo khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng mà không theo quy định của Bộ luật dân sự.

Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A về yêu cầu ông S thanh toán toàn bộ số tiền còn thiếu là 59.270.578đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng và Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ của ACB đã ký kết cho đến khi trả hết nợ.

[3] Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội thì bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Nguyên đơn không phải chịu án phí hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 192, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 422, Điều 471 và Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Căn cứ khoản 2 Điều 91 và khoản 3 Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008;

- Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

- Căn cứ Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần A.

Buộc bị đơn là ông S có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A tổng số tiền còn thiếu là 59.270.578đồng (năm mươi chín triệu hai trăm bảy chục ngàn năm trăm bảy mươi tám đồng), trong đó nợ gốc của 02 hợp đồng: 37.057.339đồng; lãi của 02 hợp đồng: 22.213.239đồng) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 26/9/2017 theo hợp đồng tín dụng và Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ của ACB đã ký kết cho đến khi trả hết nợ.

Thi hành một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn là ông S phải chịu là 2.963.529đồng (hai triệu chín trăm sáu mươi ba ngàn năm trăm hai mươi chín đồng).

Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần A không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã đóng là 1.113.876đồng theo biên lai thu số 0002000 ngày 07/10/2016 tại Chi cục thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.8;
- Chi cục THADS Q.8;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dư Tuyết Lạnh